

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Ngày phát hành 24JUN20Revision

Ngày 24JUN20Revision

Số 1

NGHS / Tiếng Anh

1. NHẬN DẠNG

Mã định danh sản phẩm

Tên sản phẩm

MÀU TINH KHIẾT BỀ MẶT GHC 4N

Các phương tiện nhận dạng khác

Mã sản phẩm

Số lượng lớn: 303500

Số mục: 67145

Khuyến nghị sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng

Khuyến nghị sử dụng

Tóc sắp chết

Hạn chế sử dụng

Không có thông tin sẵn dùng

Chi tiết về nhà cung cấp bảng dữ liệu an toàn

Nhận dạng nhà cung cấp

Công nghiệp Marianna

Địa chỉ

11222 I Street
Omaha
Ne
68137
Hoa
Kỳ

Điện thoại

Điện
thoại:4025930211
Fax:4025930614

E-mail

edelatorre@mariannaind.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp của công ty

4025930211

2. NHẬN DẠNG MỐI NGUY HIỂM

Phân loại

Nhạy cảm với da

Categor
y 1

Chất lỏng dễ cháy

Thể loại 4

Xuất hiện Amber đến Brown.

Trạng thái vật lý Chất lỏng

Các yếu tố nhãn GHS, bao gồm các tuyên bố phòng ngừa

Cảnh báo

Tuyên bố về mối nguy hiểm
Có thể gây ra phản ứng dị ứng da
Chất lỏng dễ cháy



Tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa

Tránh hít phải bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun
Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép ra khỏi nơi làm việc
Tránh xa ngọn lửa và bề mặt nóng. - Không hút thuốc
Đeo găng tay protective / bảo vệ mắt / bảo vệ khuôn mặt

Tuyên bố phòng ngừa - Phản ứng

Điều trị cụ thể (xem hướng dẫn sơ cứu bổ sung trên nhãn này)

Da

IF ON SKIN: Rửa sạch với nhiều nước và xà phòng
Nếu kích ứng da hoặc phát ban xảy ra: Nhận tư vấn y tế /
chú ý Giặt quần áo bị ô nhiễm trước khi tái sử dụng

Lửa

Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng CO2, hóa chất khô hoặc bọt để dập tắt

Tuyên bố phòng ngừa - Lưu trữ

Bảo quản ở nơi thông thoáng. Giữ mát

Tuyên bố phòng ngừa - Xử lý

Xử lý nội dung / thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải được phê duyệt

Các thông tin khác

Độc tính cấp tính không rõ

13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần có độc tính không rõ nguồn gốc

- 13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần có độc tính đường uống cấp tính chưa biết
- 13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần có độc tính da cấp tính chưa biết
- 13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần của độc tính hít phải cấp tính chưa biết (khí)
- 13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần của độc tính hít phải cấp tính chưa biết (hơi)
- 13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần có độc tính hít phải cấp tính không rõ (bụi / sương mù)

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Chất

Không áp dụng được.

Hỗn hợp

Có thể chứa những điều sau đây.

Tên hóa chất	CAS-No	Phần trăm		
Rượu Ethyl	67-63-0	8-18%		
Ethanolamine	141-43-5	0,01-3%		
1-NAPHTHOL	90-15-3	0,01-3%		
2,4-DIAMINOPHENOXYETHANOL HCl	66422-95-5	0,01-3%		
2-METHYLRESORCINOL	608-25-3	0,01-3%		
4-METHYLAMINOPHENOLSULFATE	55-55-0	0,01-3%		
2-METHYL-5-HYDROXYETHYLAMINOPHENOL	55302-96-0	0,01-3%		
2-AMINO-3-HYDROXYPYRIDINE	16867-03-1	0,01-3%		
HYDROQUINONE	123-31-9	0,01-3%		
4-AMINO-o-CRESOL	2835-95-2	0,01-3%		
4-CHLORORESORCINOL	95-88-5	0,01-3%		
5-AMINO-6-CHLORO-o-CRESOL	84540-50-1	0,01-3%		
N,N-BIS(2-HYDROXYETHYL)-P-PHENYLENDIAMINE SULFATE	54381-16-7	0,01-3%		
p-AMINOPHENOL	123-30-8	0,01-3%		
p-AMINO-O-CRESOL	2835-95-2	0,01-3%		
m-AMINOPHENOL	591-27-5	0,01-3%		
p-PHENYLENDIAMINE	106-50-3	0,01-3%		
RESORCINOL	108-46-3	0,01-3%		
pTOLUENDIAMINE SULFATE	615-50-9	0,01-3%		
PYROGALLOL	87-66-1	0,01-3%		
2-NITRO-P-PHENYLENEDIAMINE	5307-14-2	0,01-3%		
4-NITRO-O-PHENYLENEDIAMINE	99-56-9	0,01-3%		
PHÂN TÁN MAU XANH 3	219-604-2	0,01-3%		
HC VÀNG #4	59820-43-8	0,01-3%		

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu

Lời khuyên
Hít

chúngShow bảng dữ liệu an toàn này cho bác sĩ tham dự.
phảiKhông khí trong lành .

Giao tiếp bằng

mắtRinse ngay lập tức với nhiều nước, cũng dưới mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Giữ cho mắt mở rộng trong khi rửa. Không chà xát khu vực bị ảnh hưởng. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

Tiếp xúc với da

Rửa sạch ngay lập tức bằng xà phòng và nhiều nước trong khi loại bỏ tất cả quần áo và cuốn bị ô nhiễm. Có thể gây ra phản ứng dị ứng da. Trong trường hợp kích ứng da hoặc phản ứng dị ứng gặp bác sĩ.

Uống	Làm sạch miệng bằng nước và uống sau đó nhiều nước.
Tự bảo vệ người sơ cứu đầu tiên	Loại bỏ tất cả các nguồn đánh lửa. Đảm bảo rằng nhân viên y tế nhận thức được (các) vật liệu liên quan, thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tự bảo vệ mình và ngăn ngừa sự lây lan của ô nhiễm. Mặc quần áo bảo hộ cá nhân (xem phần 8).

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, both cấp tính và chậm trễ

Triệu chứng	Ngứa. Phát ban. Nổi mề đay.
--------------------	-----------------------------

Chỉ định của bất kỳ chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Lưu ý cho các bác sĩ	Có thể gây nhạy cảm ở những người nhạy cảm. Điều trị có triệu chứng.
-----------------------------	--

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện truyền thông dập tắt phù hợp	Hóa chất khô. Carbon dioxide (CO2). Phun nước. Bột kháng cồn .
Phương tiện truyền thông dập tắt không phù hợp	LƯU Ý: Sử dụng bình xịt nước khi chữa cháy có thể không hiệu quả.
Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất	Giữ sản phẩm và thùng chứa rỗng tránh xa nhiệt và các nguồn đánh lửa. Trong trường hợp hỏa hoạn, bẻ mắt bằng bình xịt nước. Sản phẩm có hoặc chứa chất nhạy cảm. Có thể gây nhạy cảm do tiếp xúc với da.
Sản phẩm đốt nguy hiểm	Oxit carbon.
Dữ liệu vụ nổ	
Độ nhạy cảm với tác động cơ học	Không ai.
Độ nhạy cảm với xả tĩnh	Có.
Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Lính cứu hỏa nên đeo máy thở khép kín và thiết bị chữa cháy đầy đủ. Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP THẢ TỰ DO VÔ TÍNH

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và các thủ tục khẩn cấp

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân	Sơ tán nhân viên đến khu vực an toàn. Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu. Xem phần 8 để biết thêm thông tin. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống lại VIỆC XẢ tĩnh điện. Không chạm hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Giữ mọi người tránh xa và ngược chiều của sự cố tràn / rò rỉ.
---	--

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Phương pháp ngăn chặn	Ngăn chặn rò rỉ nếu bạn có thể làm điều đó mà không cần risk. không chạm vào hoặc đi bộ qua vật liệu bị đổ. Đề xa trước sự cố tràn chất lỏng để xử lý sau này.
Phương pháp làm sạch	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống lại VIỆC XẢ tĩnh điện. Đập lên. Ngâm với vật liệu thấm ướt. Nhận và chuyển đến các thùng chứa được dán nhãn đúng cách.

7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

Tư vấn xử lý an toàn

Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân. Không hít phải hơi hoặc sương mù. Tránh xa nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa **MỎ** và các nguồn đánh lửa khác. Không hút thuốc. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống lại việc xả tĩnh điện. Sử dụng với thông gió khí thải cục bộ. Handle phù hợp với thực hành vệ sinh và an toàn công nghiệp **tốt**. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Trong trường hợp không đủ thông gió, hãy đeo thiết bị hô hấp phù hợp. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và giặt trước khi tái sử dụng.

Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào

Điều kiện lưu trữ

Giữ các thùng chứa kín ở nơi khô ráo, mát mẻ và thông thoáng. Tránh xa nhiệt, tia lửa, ngọn lửa và các nguồn đánh lửa khác (ví dụ: đèn thí điểm, động cơ điện và tĩnh điện). Giữ trong các thùng chứa được dán nhãn đúng cách. Lưu trữ theo các quy định quốc gia cụ thể. Lưu trữ theo quy định của địa phương. Cửa hàng bị khóa. Tránh xa tầm với của trẻ em.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tham số điều khiển

Giới hạn phơi sáng

Sản phẩm này, như được cung cấp, không chứa bất kỳ vật liệu nguy hiểm nào CÓ giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp ĐƯỢC thiết lập bởi các cơ quan quản lý cụ thể CỦA khu vực.

Điều khiển kỹ thuật thích hợp

Điều khiển kỹ thuật

Vòi hoa sen
Trạm rửa mắt
Hệ thống thông gió.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ an toàn niêm phong chặt chẽ.

Bảo vệ tay

Đeo găng tay phù hợp.

Bảo vệ da và cơ thể

Mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Bảo vệ hô hấp

Không cần thiết bị bảo vệ trong điều kiện sử dụng bình thường. Nếu vượt quá giới hạn phơi nhiễm hoặc kích ứng, có thể cần thông gió và sơ tán.

Cần nhắc vệ sinh chung

Xử lý phù hợp với thực hành vệ sinh và an toàn công nghiệp **tốt**. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không nên được phép ra khỏi nơi làm việc. Vệ sinh thường xuyên

thiết bị, khu vực làm việc và quần áo được khuyến khích. Rửa tay trước khi phá vỡ và ngay sau khi xử lý sản phẩm.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HOA HỌC

Tính chất vật lý và hóa học

Trạng thái vật lý	Lỏng
Bề ngoài	Màu vàng nhạt
Mùi	Tốt
Màu	Không có thông tin sẵn dùng
Ngưỡng mùi	Không có thông tin sẵn dùng

thuộc tính	<u>Giá trị</u>	<u>Phương pháp nhận xét</u>
Điểm nóng chảy / đóng băng	pH12.25-13.50	Không ai biết
Điểm sôi / phạm vi	băngKhông có sẵn dữ liệu	
Điểm	sôi82 °C / 180 °F	
Rate bốc hơi	flash62 C / 144 F	
Tính dễ cháy (rắn, khí)	có sẵn dữ liệu	Không ai biết
Giới hạn dễ cháy trong không khí	Không có dữ liệu có sẵn	Không ai biết
Giới hạn dễ cháy	trênKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
Giới hạn dễ cháy thấp	hơnKhông có sẵn dữ liệu	
Áp suất	hơiKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
Mật độ	hơiKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
Mật độ tương	đôi1.00	
Độ hòa tan trong nước	Hòa tan trong nước	
Độ hòa tan (ies)	Không có dữ liệu sẵn dùng	Không ai biết
Hệ số phân vùng: n-octanol/water	not áp dụng	
Autoignition	temperatureKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
Nhiệt độ phân hủy	hủyKhông có dữ liệu	Không ai biết
Độ nhớt động	họcKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
Dynamic viscosity	Không có sẵn dữ liệu	Không ai biết

Thông tin khác

Tính chất nổ	Không có thông tin sẵn dùng
Tính chất oxy hóa	Không có thông tin sẵn dùng
Điểm làm mềm	Không có thông tin sẵn dùng
Trọng lượng phân tử	Không có thông tin sẵn dùng
Nội dung VOC (%)	Không có thông tin sẵn dùng
Mật độ chất lỏng	Không có thông tin sẵn dùng
Mật độ số lượng lớn	Không có thông tin sẵn dùng
Kích thước hạt	Không có thông tin sẵn dùng
Phân bố kích thước hạt	Không có thông tin sẵn dùng

10. ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Phản ứng	Không có thông tin sẵn dùng.
Ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện bình thường.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	Không ai được xử lý bình thường.
Trùng hợp nguy hiểm	Trùng hợp nguy hiểm không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh	Nhiệt, lửa và tia lửa.
Vật liệu không tương thích	Không ai được biết đến dựa trên thông tin được cung cấp.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Carbon oxides.

11. THÔNG THIẾT ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tuyến đường phơi nhiễm có khả năng

Thông tin sản phẩm

Hít phải Dữ liệu thử nghiệm đặc biệt cho chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.

Giao tiếp bằng
sẵn.

mấtKhông có dữ liệu xét nghiệm đặc biệt cho chất hoặc hỗn hợp không có

Tiếp

xúc với da Dữ liệu xét nghiệm đặc biệt cho chất hoặc hỗn hợp không có sẵn. Có thể gây nhạy cảm do tiếp xúc với da. (dựa trên các thành phần). Tiếp xúc da lặp đi lặp lại hoặc kéo dài có thể gây ra phản ứng dị ứng với những người nhạy cảm.

sẵn.

IngestionSpecific dữ liệu thử nghiệm cho các chất hoặc hỗn hợp không có

Thông tin về ảnh hưởng độc tính

Triệu

chứngitching. Phát ban. Nổi mề đay.

Các biện pháp số về độc tính

Độc tính cấp tính

Độc tính cấp tính chưa

biết13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần có độc tính
không rõ 13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần có độc tính đường uống cấp tính chưa biết
13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần có độc tính da cấp tính chưa biết
13% hỗn hợp bao gồm các thành phần của độc tính hít phải cấp tính chưa biết (khí)
13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần của độc tính hít phải cấp tính chưa biết (hơi)
13% hỗn hợp bao gồm (các) thành phần của độc tính hít phải cấp tính chưa biết (bụi / sương mù)

Thông tin thành phần

Tên hóa chất	Uống LD50	Da LD50	Hít phải LC50
Công thức bên thứ ba (TP # 1380601)	= 2600 mg/kg (Chuột)	> 2 g / kg (Thỏ)	-

Tác dụng chậm trễ và ngay lập tức cũng như ảnh hưởng mãn tính do tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn

Ăn mòn da / kích

ứngKhông CÓ thông tin.

Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng

mấtKhông có sẵn thông tin.

Nhạy cảm với hô hấp hoặc

daMay gây nhạy cảm bằng cách tiếp xúc với da.

Gây đột biến tế bào

mảmKhông có sẵn thông tin.

Chất gây ung

thưKhông có sẵn thông tin.

Độc tính sinh sản	Không có thông tin sẵn dùng.
STOT - phơi sáng đơn	Không có thông tin sẵn dùng.
STOT - phơi sáng lặp đi lặp lại	Không có thông tin sẵn dùng.
Nguy cơ khát vọng	Không có thông tin sẵn dùng.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính	Tác động môi trường của sản phẩm này chưa được điều tra đầy đủ.
Kiên trì và suy thoái	Không có thông tin sẵn dùng.
Tích lũy sinh học	Không có dữ liệu cho sản phẩm này.
Di động	Không có thông tin sẵn dùng.
Các tác dụng phụ khác	Không có thông tin sẵn dùng.

13. CẢNH BÁO XỬ LÝ

Phương pháp xử lý chất thải

Chất thải từ dư lượng / sản phẩm không sử dụng	Xử lý theo quy định của địa phương. Xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về môi trường.
Bao bì bị ô nhiễm	Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.
Mã chất thải nguy hại California	331

14. THÔNG TIN VẬN TẢI

<u>CHẤM</u>	KHÔNG QUY ĐỊNH
Tên vận chuyển thích hợp	KHÔNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH
Lớp Nguy hiểm	N/A
<u>TDG</u>	Không được quy định
<u>MEX</u>	Không được quy định
<u>ICAO</u>	Không được quy định
<u>IATA</u>	Không được quy định
Tên vận chuyển thích hợp	KHÔNG QUY ĐỊNH
Lớp Nguy hiểm	N/A
<u>IMDG/IMO</u>	Không được quy định
Lớp Nguy hiểm	N/A

THOÁT KHỎI Không được quy định

ADR Không được quy định

ADN Không được quy định

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Các quy định/ pháp luật về an toàn, **sức khỏe và môi trường cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp**

Quy định quốc tế

Các chất làm suy giảm tầng ozone (ODS) Không áp dụng

Các chất ô nhiễm hữu cơ dai dẳng không áp dụng được

Yêu cầu Thông báo Xuất khẩu Không áp dụng

Hàng tồn kho quốc tế

TSCA	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
DSL/NDSL	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
EINECS /ELINCS	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
ENCS	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
KECL	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
PICCS	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
AICS	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.

Truyền thuyết

TSCA - Đạo luật kiểm soát chất độc hại của Hoa Kỳ Mục 8 (b) Hàng tồn kho
DSL / NDSL - Danh sách các chất trong nước Canada / Danh sách các chất không phải trong nước
EINECS / ELINCS - Kiểm kê châu Âu về các chất hóa học hiện có / Danh sách các chất hóa học được thông báo châu Âu
ENCS - Nhật Bản các chất hóa học hiện có và mới
KECL - Các chất hóa học hiện có và được đánh giá của Hàn Quốc
PICCS - Philippines kiểm kê hóa chất và chất hóa học
AICS - Kiểm kê các chất hóa học của Úc

Quy định liên bang Hoa Kỳ

SARA 313

Mục 313 của Tiêu đề III của Đạo luật Sửa đổi và Tái cấp phép Superfund năm 1986 (SARA). Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào tuân theo các yêu cầu báo cáo của Đạo luật và Tiêu đề 40 của Bộ luật Quy định Liên bang, Phần 372

Nguy cơ sức khỏe cấp tính	Có
Nguy hiểm sức khỏe mãn tính	Không
Nguy cơ hỏa hoạn	Có
Đột ngột giải phóng nguy cơ áp suất	Không
Nguy cơ phản ứng	Không

CWA (Đạo luật nước sạch)

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được quy định là chất gây ô nhiễm theo Đạo luật nước sạch (40 CFR 122.21 và 40 CFR 122.42)

CERCLA

Vật liệu này, như được cung cấp, không chứa bất kỳ chất nào được quy định là chất độc hại theo Toàn diện

Đạo luật bồi thường và trách nhiệm đáp ứng môi trường (CERCLA) (40 CFR 302) hoặc Đạo luật sửa đổi và ủy quyền lại Superfund (SARA) (40 CFR 355). Có thể có các yêu cầu báo cáo cụ thể ở cấp địa phương, khu vực hoặc tiểu bang liên quan đến việc phát hành tài liệu này

Quy định của Tiểu bang Hoa Kỳ

Dự luật California 65

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất Dự luật 65 nào.

Quy định về quyền được biết của Tiểu bang Hoa Kỳ

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào vượt quá giới hạn ngưỡng được quy định bởi quyền được biết của tiểu bang.

16. THÔNG TIN KHÁC

<u>NFPA</u>	Health hazards	2Flammability	2InstabilPithyys0ical and Ch Properties -
<u>HMIS</u>	Health hazards	2Flammability	
2PhysicaPlehrsaozanradlsPro0tec			
Quản lý sản	phẩm được chuẩn bị 23 Blvd. Latham, NY 12110 1-800-572-6501		
Ngày sửa	đổi15-Tháng 9-2017		
Lưu ý Sửa	đổiKhông có sẵn thông tin		

Disclaimer

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác với kiến thức, thông tin và niềm tin tốt nhất của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin được đưa ra chỉ được thiết kế như một hướng dẫn để xử lý, sử dụng, xử lý, lưu trữ, vận chuyển, xử lý và phát hành an toàn và không được coi là bảo hành hoặc chất lượng. Thông tin chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể được chỉ định và có thể không hợp lệ đối với tài liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được quy định trong văn bản

**Kết thúc Bảng dữ liệu
an toàn**